

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 444 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án bảo vệ hồ chứa nước Cầu Mới Tuyến VI,
huyện Cẩm Mỹ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Quyết định số 4351/QĐ-BNN-TCTL ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố danh mục, phân loại và phân giao nhiệm vụ quản lý đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến hai tỉnh trở lên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 108/TTr-SNN ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt Phương án bảo vệ hồ chứa nước Cầu Mới Tuyến VI, huyện Cẩm Mỹ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án bảo vệ hồ chứa nước Cầu Mới Tuyến VI, huyện Cẩm Mỹ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Đính kèm phương án).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Phương án bảo vệ hồ chứa nước Cầu Mới Tuyến VI, huyện Cẩm Mỹ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (Đ/c Phi);
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KTN);
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/25.Qdhoacaumoituyen6)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



PHƯƠNG ÁN

Bảo vệ hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI, huyện Cẩm Mỹ, huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

Điều 1. Mục đích

1. Việc ban hành Phương án bảo vệ công trình nhằm bảo đảm an toàn công trình trong quá trình quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.
2. Chủ động phương án tổ chức, phối hợp kiểm tra, bảo vệ công trình; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trong phạm vi bảo vệ của công trình, bảo đảm an toàn công trình.
3. Thực hiện phương châm phòng ngừa là chính, kịp thời nắm bắt tình hình trong khu vực bảo vệ công trình để làm tốt công tác phòng ngừa từ xa, kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình.

Điều 2. Yêu cầu

1. Việc khai thác, sử dụng công trình phải ưu tiên bảo đảm an toàn, dòng chảy tối thiểu, không ảnh hưởng đến mục tiêu, nhiệm vụ của công trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
2. Việc quản lý an toàn công trình phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong quá trình quản lý, khai thác công trình; công tác xử lý, khắc phục các hành vi xâm hại hồ chứa nước theo phương châm 4 tại chỗ “Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ”.
3. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc tham gia bảo vệ công trình.

Chương II

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ HỒ CHỨA NƯỚC

Điều 3. Thông tin về công trình

1. Tên công trình: Hồ Cầu Mới tuyến VI.
2. Địa điểm xây dựng: Huyện Cẩm Mỹ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
3. Tên đơn vị quản lý, khai thác công trình: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai. Địa chỉ: Số 126, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Số điện thoại: 02516.297.663.

4. Phân loại hồ chứa: Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước: hồ chứa Cầu Mới tuyến VI thuộc loại hồ chứa nước lớn.

5. Nhiệm vụ công trình:

Hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI có nhiệm vụ cấp nước tưới phục vụ nông nghiệp cho diện tích 900 ha lúa, hoa màu thuộc xã Bàu Cạn, xã Tân Hiệp, xã Phước Bình, huyện Long Thành; cấp nước sinh hoạt và công nghiệp với tổng lượng nước 19,16 triệu m³/năm.

6. Thời điểm khởi công, đưa vào sử dụng: Công trình được khởi công xây dựng năm 2004 và hoàn thành đưa vào khai thác năm 2008.

Điều 4. Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ hồ chứa nước

Theo phụ lục đính kèm Phương án này.

Điều 5. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ hồ chứa nước

Theo phụ lục đính kèm Phương án này.

Điều 6. Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất

1. Chế độ báo cáo

a) Báo cáo đột xuất

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi thực hiện báo cáo đột xuất về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành khi xảy ra các tình huống có khả năng gây mất an toàn công trình, như: Phát hiện các đột biến về kết quả theo dõi thăm, chuyển vị của đập; Công trình đầu mối, kênh mương bị hư hỏng nặng hoặc các hư hỏng đã có từ trước diễn biến theo chiều hướng xấu; Sự cố trong vận hành cửa van cống; Khi mực nước hồ đạt mực nước dâng bình thường và tiếp tục dâng lên; Nghi ngờ có âm mưu phá hoại công trình; Các vi phạm về công trình đầu mối, kênh mương; các tình huống khác có khả năng gây mất an toàn công trình.

b) Báo cáo định kỳ hàng năm

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi báo cáo định kỳ hàng năm theo quy định về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về hiện trạng an toàn công trình đầu mối, kênh mương bao gồm: Kế hoạch tích, xả nước cụ thể trong mùa lũ; Mực nước trữ cao nhất trong hồ chứa; thời gian xuất hiện đỉnh lũ; Kết quả đo đạc, quan trắc công trình đầu mối đã được hiệu chỉnh, phân tích đánh giá; Các hư hỏng của công trình và công tác sửa chữa khắc phục; Kết quả kiểm tra công trình trước và sau mùa mưa lũ; Các nội dung khác có liên quan.

2. Chế độ kiểm tra công trình

a) Kiểm tra thường xuyên

Khi mực nước trong hồ dưới mực nước dâng bình thường, mỗi tuần kiểm tra ít nhất một lần. Khi mực nước trong hồ bằng hoặc cao hơn mực nước dâng

binh thường, mỗi ngày kiểm tra ít nhất một lần; trường hợp có mưa vừa và mưa to, mỗi giờ kiểm tra ít nhất một lần.

b) Kiểm tra định kỳ

Hàng năm vào thời điểm trước mùa mưa lũ (trước tháng 07 hàng năm) và sau khi kết thúc mùa mưa lũ (trước ngày tháng 11 hàng năm), Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi phải tiến hành kiểm tra đánh giá về hiện trạng các công trình đầu mối, kênh mương, để kịp thời duy tu, sửa chữa các hạng mục công trình có khả năng mất an toàn. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, chính quyền địa phương để kịp thời xử lý khi có sự cố xảy ra.

c) Kiểm tra đột xuất

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi thực hiện kiểm tra đột xuất ngay sau khi có mưa, lũ lớn trên lưu vực hoặc khi phát hiện công trình có hư hỏng đột xuất, nghi ngờ có âm mưu phá hoại. Trường hợp phát hiện hồ chứa nước có hư hỏng đột xuất, phải báo cáo ngay Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời phải thực hiện ngay biện pháp xử lý để bảo đảm an toàn hồ chứa nước.

Điều 7. Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại

1. Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình

a) Cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm lắp đặt các biển cảnh báo, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương để thực hiện các biện pháp quản lý, đảm bảo an toàn cho công trình và vùng hạ du.

b) Trong phạm vi bảo vệ công trình, các phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ) chỉ được hoạt động khi đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động.

2. Quy định về phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện Phương án phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định; đồng thời tổ chức tập huấn về phòng cháy chữa cháy cho cán bộ, công nhân viên quản lý hồ chứa. Xây dựng nội quy bảo quản, sử dụng các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công trình tại trụ sở đơn vị và Nhà quản lý vận hành công trình. Xây dựng phương án về phòng ngừa ứng phó sự cố khi sử dụng chất dễ cháy, chất độc hại, đặc biệt không để các hóa chất độc hại lẫn vào nguồn nước.

Thực hiện bảo đảm an toàn cho các công trình, đường điện đi qua khu vực hồ chứa.

Điều 8. Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ hồ chứa nước; trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ

1. Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ hồ chứa nước

a) Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm thành lập và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên trong công tác quản lý bảo vệ hồ chứa nước; hàng năm rà soát, kiểm tra toàn bộ tổ chức lực lượng bảo vệ hồ chứa để đảm bảo công tác quản lý, bảo vệ hồ chứa nước.

b) Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền cho người dân trong vùng biết và thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ an toàn hồ chứa; Phối hợp Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tổ chức thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, xử lý các hành vi gây mất an toàn cho hồ chứa nước.

c) Phương án phối hợp với chính quyền địa phương.

Phương án phối hợp bảo đảm an ninh trật tự, an toàn hồ chứa khi phát hiện có hành vi xâm hại hồ chứa nước, Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi có trách nhiệm làm văn bản kiến nghị Ủy ban Nhân dân, Công an địa phương xử lý vi phạm pháp luật theo quy định luật Thủy lợi và các quy định khác cụ thể như sau:

- Đình chỉ ngay hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân;
- Cảnh cáo hoặc xử phạt vi phạm hành chính;
- Tịch thu hoặc tạm giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi xâm hại hồ chứa;
- Buộc phá dỡ các công trình xây dựng trái phép và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra;
- Lập và chuyển hồ sơ đến cơ quan tố tụng hình sự trong trường hợp vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng.
- Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành phát động và thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc".

Phương án phối hợp trong công tác phòng chống thiên tai:

- Khi xảy ra tình huống mất an toàn hồ chứa vượt quá khả năng của Công ty, Ban chỉ huy PCTT của Công ty báo cáo ngay cho Ban chỉ đạo PCTT & TKCN tỉnh; Ban chỉ đạo PCTT & TKCN các huyện và các xã để tổ chức xử lý sự cố kịp thời.

- BCH PCTT & TKCN của công ty bố trí trực 24/24h để nắm bắt thông tin thời tiết qua các Đài hoặc trên Internet, Trung tâm khí tượng thủy văn, phục vụ công tác vận hành hồ chứa.

2. Trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ

TT	Tên vật tư, vật liệu, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng
1	Dùi cui cao su	Bộ	7
2	Bộ đàm	Cái	7
3	Đèn pin sạc	Cái	7
4	Áo phao	Cái	15
5	Đồ đi mưa	Bộ	15
6	Ủng đi mưa	Đôi	15

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi thường xuyên kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ công trình; đồng thời bổ sung, thay thế các trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ công trình theo quy định.

Điều 9. Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình

Công tác tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra vào công trình do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tổ chức thực hiện, giao trách nhiệm cụ thể trong việc kiểm soát và ngăn chặn kịp thời các loại phương tiện có tải trọng quá giới hạn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình.

Điều 10. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của công trình

1. Xây dựng nội quy, lắp đặt các biển cảnh báo, hướng dẫn

a) Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi xây dựng quy định quản lý, bảo vệ tại công trình, lắp đặt các biển cảnh báo nguy hiểm, các biển báo, hướng dẫn tại các khu vực công trình và hạ lưu đập; thường xuyên tổ chức kiểm tra, duy tu sửa chữa, bổ sung các biển cảnh báo và nội dung quy định, cảnh báo cho phù hợp; Thường xuyên tiến hành kiểm tra, kiểm soát các hạng mục công trình lòng hồ chứa và vùng phụ cận nhằm sớm phát hiện, ngăn ngừa xử lý các hành vi xâm phạm an toàn công trình.

b) Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định, nội quy nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của công trình.

2. Xử lý các hành vi vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình

Khi phát hiện các hành vi vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình, bộ phận bảo vệ Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi lập tức ngăn chặn đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra và lập biên bản để chuyển ngay về Ủy ban nhân dân xã xử lý theo quy định.

Điều 11. Bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố

1. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi phải triển khai thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý, bảo vệ an toàn hồ chứa theo quy định của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và các quy định liên quan. Hàng năm phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ và các cơ quan liên quan rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy trình vận hành, Phương án bảo vệ, Phương án ứng phó thiên tai và Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế.

2. Trong trường hợp công trình xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố:

- Khi phát hiện sự cố hoặc nguy cơ xảy ra sự cố thì Tổ bảo vệ Công ty có trách nhiệm tăng cường nhân lực, có biện pháp bảo vệ 24/24h khu vực sự cố hoặc nguy cơ sự cố. Tuyệt đối không cho người và phương tiện qua lại nếu không có nhiệm vụ liên quan.

- Thông báo bộ phận kỹ thuật Công ty phối hợp kiểm tra sự cố.

- Báo cáo lãnh đạo Công ty về tình hình sự cố hoặc có nguy cơ sự cố xảy ra, xin ý kiến lãnh đạo công ty cho phép thực hiện các biện pháp ứng phó đảm bảo an toàn cho hồ chứa như tiến hành xả nước căn cứ theo thực tế và quy trình vận hành hồ chứa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Sau khi nhận được báo cáo, Lãnh đạo công ty có trách nhiệm: Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Đồng Nai, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh để chỉ đạo chống lũ cho hạ du, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức, Ủy ban nhân dân xã Bàu Cạn về sự cố bất thường và tiến hành xả lũ để bảo vệ công trình. Thông báo cho nhân dân phía hạ du hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI để có biện pháp ứng phó cần thiết.

Điều 12. Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án

1. Phương án huy động vật tư, phương tiện, trang thiết bị

a) Tại công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI đã chuẩn bị các vật tư dự phòng để xử lý nhanh khi các hạng mục chính (gồm đập đất, đập tràn, cống lấy nước) của hồ chứa khi gặp sự cố. Khi nguồn vật tư dự phòng công ty không đáp ứng đủ để khắc phục sự cố, Công ty chủ động huy động thêm nguồn vật tư sẵn có trong dân để kịp thời ứng phó.

b) Trong trường hợp vượt quá khả năng xử lý, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi phải thông báo và đề nghị UBND các địa phương có liên quan huy động phương tiện và trang thiết bị tại các xã, đơn vị quân sự, công an, y tế... gần nhất để kịp thời ứng cứu.

2. Phương án huy động nhân lực, hậu cần

Ủy ban nhân dân huyện huyện Cẩm Mỹ, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, huy động nhân lực và hậu cần tại chỗ thuộc các xã Thừa Đức, xã Bàu Cạn để phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi xử lý sự cố. Trường hợp cần thiết huy động thêm nguồn nhân lực và hậu cần tại những xã lân cận và của huyện tăng cường cho công tác ứng cứu.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, địa phương, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- a) Theo dõi hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Phương án này.
- b) Chủ trì, phối hợp các ngành, địa phương, đơn vị có liên quan xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý những vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện Phương án này.

2. Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức, Ủy ban nhân dân xã Bàu Cạn.

- a) Tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân liên quan không lấn chiếm, xây dựng các công trình, sử dụng đất, hoạt động trái phép trong phạm vi bảo vệ đập, trong hành lang bảo vệ hồ chứa.

- b) Chỉ đạo tổ chức cứu hộ hồ chứa nước; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn hồ chứa.

3. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi (đơn vị chủ trì, chịu trách nhiệm chính trong việc bảo vệ hồ chứa):

- a) Tổ chức xây dựng, huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên quản lý, bảo vệ hồ chứa nước; thường xuyên giáo dục cán bộ, công nhân viên nâng cao ý thức cảnh giác, tổ chức trực bảo vệ 24/24 giờ; kiểm soát an ninh, trật tự tại khu vực công trình, sẵn sàng thực hiện ứng phó các tình huống sự cố, bảo vệ hồ chứa nước.

- b) Tổ chức thực hiện nghiêm các Phương án, Kế hoạch, Quy trình vận hành và các quy định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- c) Tổ chức xây dựng Quy chế phối hợp với các địa phương đơn vị liên quan của huyện Long Thành, huyện Cẩm Mỹ trong công tác quản lý, bảo vệ an toàn cho công trình.

- d) Trường hợp công trình có nguy cơ hoặc xảy ra sự cố Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức, Ủy ban nhân dân xã Bàu Cạn để được hỗ trợ ứng phó kịp thời khắc phục sự cố.

- đ) Căn cứ Quy chế phối hợp đã được xây dựng, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ,

Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức, Ủy ban nhân dân xã Bàu Cạn để kịp thời ngăn chặn và xử lý các trường hợp vi phạm phạm vi bảo vệ công trình.

Điều 14. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Phương án này sẽ được khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm Phương án này sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung

1. Trường hợp các quy định dẫn chiếu tại Phương án này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, địa phương, đơn vị tổng hợp, báo cáo, đề xuất gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo xử lý./.

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ HỒ CHỨA NƯỚC CẦU MỚI TUYẾN VI, HUYỆN
CẨM MỸ, HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Phương án bảo vệ hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI)

I. Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ hồ chứa nước

1. Đặc điểm địa hình

a) Lưu vực Hồ Cầu Mới tuyến VI bắt nguồn từ các nhánh suối nhỏ ở các ngọn đồi có cao trình mặt đất tự nhiên khoảng +50 đến 300m.

b) Lưu vực hồ Cầu Mới tuyến VI có hình dạng thon dài, có phần thượng lưu hẹp, mở rộng dần ở phía hạ lưu, và độ dốc sườn lưu vực không lớn.

c) Lưu vực có tính chất địa hình vùng đồi, độ dốc không lớn, đoạn thượng nguồn có độ dốc lớn hơn so với nửa phần hạ lưu. Tầng phủ lưu vực chủ yếu là cây bụi, phân bố dòng chảy giữa mùa mưa và mùa khô chênh lệch rất lớn. Mùa kiệt có dòng chảy nhưng khá nhỏ, mùa lũ quá trình tập trung dòng chảy lũ khá nhanh.

2. Thông số kỹ thuật của công trình

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ
1	Cấp công trình và tiêu chuẩn thiết kế		
	Công trình đầu mối	Cấp	II (QCVN 04-05-2012)
	Tần suất tưới thiết kế	%	85
	Tần suất lũ thiết kế	%	1,0
	Tần suất lũ kiểm tra	%	0,2
2	Hồ chứa		
	Diện tích lưu vực	Km ²	62
	Mực nước chết MNC	m	+74,6
	Mực nước dâng bình thường MNDBT	m	+87,5
	Mực nước gia cường MNGC	m	+89,08
	Dung tích hồ ứng với MNC	10 ⁶ m ³	1,5
	Dung tích hồ ứng với MNDBT	10 ⁶ m ³	21
	Dung tích hồ ứng với MNDGC	10 ⁶ m ³	25,81
	Diện tích mặt hồ ứng với MNC	Ha	50
	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	Ha	274
	Diện tích mặt hồ ứng với MNDGC	Ha	307,87
3	Đập chính		

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ
	Kết cấu đập		Đập đất đồng chất
	Cao trình đỉnh đập	m	+92
	Chiều cao đập lớn nhất	m	29
	Chiều dài đập	m	930
	Bề rộng mặt đập	m	7
4	Tràn xả lũ		Bờ trái đập chính
	Đặc điểm kết cấu		BTCT
	Hình thức tràn		Tràn tự do
	Cao trình ngưỡng tràn	m	+87,5
	Chiều rộng tràn nước	m	54,6
5	Cống lấy nước		
	Đặc điểm kết cấu		BTCT
	Cao trình ngưỡng cống	m	+73
	Khẩu diện cống (bxh)	m	1,2 x 1,4
	Lưu lượng xả max	m ³ /s	3,25

3. Phạm vi bảo vệ hồ chứa nước

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017.

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

a) Phạm vi bảo vệ khu vực lòng hồ:

- Phạm vi bảo vệ khu vực lòng hồ được xác định bằng tuyến đường ranh. Phía thượng lưu đập (Khu vực lòng hồ) xuất phát từ vai phải đập đất đi theo đường cao trình MNDGC (+89,08 m) chạy vòng quanh hồ và kết thúc tại vai trái đập đất với các thông số kỹ thuật sau:

+ Chiều dài tuyến 17,835(km).

+ Chiều rộng rãnh: B=0,8(m).

+ Chiều sâu rãnh: B=0,8(m).

+ Hệ số mái: m=1.

- Công ty đã cắm biển báo ghi thông số thiết kế của hồ và các biển báo cấm tắm, cấm xả rác...khu vực lòng hồ.

b) Phạm vi bảo vệ phía hạ lưu:

Phạm vi bảo vệ từ chân đập ra 100(m). Chiều dài tuyến đường ranh khoảng 1,465(km), xác định ranh giới bằng cắm mốc. Chiều cao cột mốc: H=1,3(m), kích thước (0,15x0,15x1,3)m, chôn sâu 0,5(m), bằng BTCT đá 1x2 M200, sơn

đổ đầu cọc, để chôn cột mốc bằng bê tông đá 1x2 M150 có kích thước (0,55x0,55x0,6)m.

c) Phạm vi bảo vệ khu vực nhà quản lý:

- Phạm vi bảo vệ nhà quản lý hồ Cầu Mới tuyến VI được xác định bởi diện tích đất được UBND tỉnh giao.

- Hình thức xác lập đường biên: Hiện khu vực nhà quản lý hồ Cầu Mới tuyến VI đã có hàng rào bảo vệ. Công ty thường xuyên kiểm tra tu sửa lại hàng rào bảo vệ khu vực nhà quản lý.

d) Phạm vi bảo vệ kênh và công trình trên kênh: công trình chưa có hệ thống kênh mương.

4. Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và phạm vi ranh giới đất bảo vệ công trình thủy lợi (đính kèm).

II. Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ hồ chứa nước

1. Công trình được khởi công xây dựng năm 2004 và hoàn thành đưa vào khai thác năm 2008. Hiện nay do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi quản lý, khai thác. Công trình có nhiệm vụ cung cấp nước phục vụ tưới nông nghiệp cho diện tích 900 ha lúa, màu thuộc xã Bàu Cạn, xã Tân Hiệp, xã Phước Bình, huyện Long Thành; cấp nước sinh hoạt và công nghiệp với tổng lượng nước 19,16 triệu m³/năm.

2. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi đã thành lập tổ quản lý bảo vệ công trình gồm 5 người, trong đó tổ trưởng đồng thời là trạm trưởng, 1 trạm phó, 1 cán bộ kỹ thuật và 2 công nhân quản lý đã qua đào tạo lớp công nhân quản lý của tỉnh tổ chức.

3. Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Thừa Đức, Ủy ban nhân dân xã Bàu Cạn, tổ chức các đội xung kích trên địa bàn xã sẵn sàng tham gia ứng cứu, bảo vệ công trình khi cần thiết.

4. Trong thời gian qua, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi đã phối hợp với địa phương tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ có hiệu quả công trình; đã kịp thời phối hợp kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình, hiện nay đang tiếp tục phối hợp xử lý các trường hợp vi phạm lấn chiếm đất công trình.

CHỐNG GHEP RANH GIỚI ĐẤT (NĂM 2003) LÊN ĐỒ CỤ KHU ĐẤT (NĂM 2017)

SỐ 311/2019-CCBBĐ - T01

Tên công trình: Hệ thống xử lý nước thải và nước sinh hoạt của khu dân cư và khu vực lân cận

BẢNG KẾ TOÁN VỐ

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	...	...	...	...	...
2	...	...	...	...	...
3	...	...	...	...	...
4	...	...	...	...	...
5	...	...	...	...	...
6	...	...	...	...	...
7	...	...	...	...	...
8	...	...	...	...	...
9	...	...	...	...	...
10	...	...	...	...	...
11	...	...	...	...	...
12	...	...	...	...	...
13	...	...	...	...	...
14	...	...	...	...	...
15	...	...	...	...	...
16	...	...	...	...	...
17	...	...	...	...	...
18	...	...	...	...	...
19	...	...	...	...	...
20	...	...	...	...	...
21	...	...	...	...	...
22	...	...	...	...	...
23	...	...	...	...	...
24	...	...	...	...	...
25	...	...	...	...	...
26	...	...	...	...	...
27	...	...	...	...	...
28	...	...	...	...	...
29	...	...	...	...	...
30	...	...	...	...	...
31	...	...	...	...	...
32	...	...	...	...	...
33	...	...	...	...	...
34	...	...	...	...	...
35	...	...	...	...	...
36	...	...	...	...	...
37	...	...	...	...	...
38	...	...	...	...	...
39	...	...	...	...	...
40	...	...	...	...	...
41	...	...	...	...	...
42	...	...	...	...	...
43	...	...	...	...	...
44	...	...	...	...	...
45	...	...	...	...	...
46	...	...	...	...	...
47	...	...	...	...	...
48	...	...	...	...	...
49	...	...	...	...	...
50	...	...	...	...	...
51	...	...	...	...	...
52	...	...	...	...	...
53	...	...	...	...	...
54	...	...	...	...	...
55	...	...	...	...	...
56	...	...	...	...	...
57	...	...	...	...	...
58	...	...	...	...	...
59	...	...	...	...	...
60	...	...	...	...	...
61	...	...	...	...	...
62	...	...	...	...	...
63	...	...	...	...	...
64	...	...	...	...	...
65	...	...	...	...	...
66	...	...	...	...	...
67	...	...	...	...	...
68	...	...	...	...	...
69	...	...	...	...	...
70	...	...	...	...	...
71	...	...	...	...	...
72	...	...	...	...	...
73	...	...	...	...	...
74	...	...	...	...	...
75	...	...	...	...	...
76	...	...	...	...	...
77	...	...	...	...	...
78	...	...	...	...	...
79	...	...	...	...	...
80	...	...	...	...	...
81	...	...	...	...	...
82	...	...	...	...	...
83	...	...	...	...	...
84	...	...	...	...	...
85	...	...	...	...	...
86	...	...	...	...	...
87	...	...	...	...	...
88	...	...	...	...	...
89	...	...	...	...	...
90	...	...	...	...	...
91	...	...	...	...	...
92	...	...	...	...	...
93	...	...	...	...	...
94	...	...	...	...	...
95	...	...	...	...	...
96	...	...	...	...	...
97	...	...	...	...	...
98	...	...	...	...	...
99	...	...	...	...	...
100	...	...	...	...	...

BẢNG SƠ DẪN (DIỆN TÍCH GIỚI ĐẤT THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 20/2003/QĐ-TTg VÀ BẢNG SƠ DẪN KHU VỰC)

STT	Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	...	...	...	...	...
2	...	...	...	...	...
3	...	...	...	...	...
4	...	...	...	...	...
5	...	...	...	...	...
6	...	...	...	...	...
7	...	...	...	...	...
8	...	...	...	...	...
9	...	...	...	...	...
10	...	...	...	...	...
11	...	...	...	...	...
12	...	...	...	...	...
13	...	...	...	...	...
14	...	...	...	...	...
15	...	...	...	...	...
16	...	...	...	...	...
17	...	...	...	...	...
18	...	...	...	...	...
19	...	...	...	...	...
20	...	...	...	...	...
21	...	...	...	...	...
22	...	...	...	...	...
23	...	...	...	...	...
24	...	...	...	...	...
25	...	...	...	...	...
26	...	...	...	...	...
27	...	...	...	...	...
28	...	...	...	...	...
29	...	...	...	...	...
30	...	...	...	...	...
31	...	...	...	...	...
32	...	...	...	...	...
33	...	...	...	...	...
34	...	...	...	...	...
35	...	...	...	...	...
36	...	...	...	...	...
37	...	...	...	...	...
38	...	...	...	...	...
39	...	...	...	...	...
40	...	...	...	...	...
41	...	...	...	...	...
42	...	...	...	...	...
43	...	...	...	...	...
44	...	...	...	...	...
45	...	...	...	...	...
46	...	...	...	...	...
47	...	...	...	...	...
48	...	...	...	...	...
49	...	...	...	...	...
50	...	...	...	...	...
51	...	...	...	...	...
52	...	...	...	...	...
53	...	...	...	...	...
54	...	...	...	...	...
55	...	...	...	...	...
56	...	...	...	...	...
57	...	...	...	...	...
58	...	...	...	...	...
59	...	...	...	...	...
60	...	...	...	...	...
61	...	...	...	...	...
62	...	...	...	...	...
63	...	...	...	...	...
64	...	...	...	...	...
65	...	...	...	...	...
66	...	...	...	...	...
67	...	...	...	...	...
68	...	...	...	...	...
69	...	...	...	...	...
70	...	...	...	...	...
71	...	...	...	...	...
72	...	...	...	...	...
73	...	...	...	...	...
74	...	...	...	...	...
75	...	...	...	...	...
76	...	...	...	...	...
77	...	...	...	...	...
78	...	...	...	...	...
79	...	...	...	...	...
80	...	...	...	...	...
81	...	...	...	...	...
82	...	...	...	...	...
83	...	...	...	...	...
84	...	...	...	...	...
85	...	...	...	...	...
86	...	...	...	...	...
87	...	...	...	...	...
88	...	...	...	...	...
89	...	...	...	...	...
90	...	...	...	...	...
91	...	...	...	...	...
92	...	...	...	...	...
93	...	...	...	...	...
94	...	...	...	...	...
95	...	...	...	...	...
96	...	...	...	...	...
97	...	...	...	...	...
98	...	...	...	...	...
99	...	...	...	...	...
100	...	...	...	...	...

BẢNG SƠ DẪN KHU VỰC LƯU LƯỢNG LƯU LƯỢNG LƯU LƯỢNG

STT	Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	...	...	...	...	...
2	...	...	...	...	...
3	...	...	...	...	...
4	...	...	...	...	...
5	...	...	...	...	...
6	...	...	...	...	...
7	...	...	...	...	...
8	...	...	...	...	...
9	...	...	...	...	...
10	...	...	...	...	...
11	...	...	...	...	...
12	...	...	...	...	...
13	...	...	...	...	...
14	...	...	...	...	...
15	...	...	...	...	...
16	...	...	...	...	...
17	...	...	...	...	...
18	...	...	...	...	...
19	...	...	...	...	...
20	...	...	...	...	...
21	...	...	...	...	...
22	...	...	...	...	...
23	...	...	...	...	...
24	...	...	...	...	...
25	...	...	...	...	...
26	...	...	...	...	...
27	...	...	...	...	...
28	...	...	...	...	...
29	...	...	...	...	...
30	...	...	...	...	...
31	...	...	...	...	...
32	...	...	...	...	...
33	...	...	...	...	...
34	...	...	...	...	...
35	...	...	...	...	...
36	...	...	...	...	...
37	...	...	...	...	...
38	...	...	...	...	...
39	...	...	...	...	...
40	...	...	...	...	...
41	...	...	...	...	...
42	...	...	...	...	...
43	...	...	...	...	...
44	...	...	...	...	...
45	...	...	...	...	...
46	...	...	...	...	...
47	...	...	...	...	...
48	...	...	...	...	...
49	...	...	...	...	...
50	...	...	...	...	...
51	...	...	...	...	...
52	...	...	...	...	...
53	...	...	...	...	...
54	...	...	...	...	...
55	...	...	...	...	...
56	...	...	...	...	...
57	...	...	...	...	...
58	...	...	...	...	...
59	...	...	...	...	...
60	...	...	...	...	...
61	...	...	...	...	...
62	...	...	...	...	...
63	...	...	...	...	...
64	...	...	...	...	...
65	...	...	...	...	...
66	...	...	...	...	...
67	...	...	...	...	...
68	...	...	...	...	...
69	...	...	...	...	...
70	...	...	...	...	...
71	...	...	...	...	...
72	...	...	...	...	...
73	...	...	...	...	...
74	...	...	...	...	...
75	...	...	...	...	...
76	...	...	...	...	...
77	...	...	...	...	...
78	...	...	...	...	...
79	...	...	...	...	...
80	...	...	...	...	...
81	...	...	...	...	...
82	...	...	...	...	...
83	...	...	...	...	...
84	...	...	...	...	...
85	...	...	...	...	...
86	...	...	...	...	...
87	...	...	...	...	...
88	...	...	...	...	...
89	...	...	...	...	...
90	...	...	...	...	...
91	...	...	...	...	...
92	...	...	...	...	...
93	...	...	...	...	...
94	...	...	...	...	...
95	...	...	...	...	...
96	...	...	...	...	...
97	...	...	...	...	...
98	...	...	...	...	...
99	...	...	...	...	...
100	...	...	...	...	...

BẢNG SƠ DẪN KHU VỰC LƯU LƯỢNG LƯU LƯỢNG LƯU LƯỢNG

STT	Tên và	Loại vật	Tổng số m³	Đơn giá và hàng với giá theo năm 2017
1	đá phiêu lưu	MPC	01	2832144.3
2	đá phiêu lưu	B-K	01	6001.8
3	đá phiêu lưu	MPC	01	823411.3
TỔNG				3463746.1

TỶ LỆ 1 : 2000

[illegible][illegible]

1. **Identifikasi** (10%)
 2. **Penelitian** (20%)
 3. **Analisis** (30%)
 4. **Sintesis** (40%)
 5. **Evaluasi** (10%)

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Ngày làm việc: 22/02/2024

Nơi: 14 Nguyễn

Ngày: 08/03/2024

(Signature)

(Stamp: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM)

[illegible]

TÊN CÔNG TRÌNH : HỒ CHỮA NƯỚC CẦU MỖI - TỈNH VĨ
 PHẠM : XÃ BÀU CÁN - HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

[illegible]

ĐA DĨM; XÃ BƯU CÁN - HUỖN LAM THÁNH - TỈNH CỐNG NAM

HUYỀN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAIHUYỀN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI

HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÈ RI - VÙNG TÀU

HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÈ RI - VÙNG TÀU

BẢNG KẾ TỌA ĐỘ

[illegible]

HÀNG KÊ TỌA ĐỘ

Year	Age	Sex	Site	Genotype	Phenotype	Frequency
1988	10	M	10	10	10	10
1989	11	F	11	11	11	11
1990	12	M	12	12	12	12
1991	13	F	13	13	13	13
1992	14	M	14	14	14	14
1993	15	F	15	15	15	15
1994	16	M	16	16	16	16
1995	17	F	17	17	17	17
1996	18	M	18	18	18	18
1997	19	F	19	19	19	19
1998	20	M	20	20	20	20
1999	21	F	21	21	21	21
2000	22	M	22	22	22	22
2001	23	F	23	23	23	23
2002	24	M	24	24	24	24
2003	25	F	25	25	25	25
2004	26	M	26	26	26	26
2005	27	F	27	27	27	27
2006	28	M	28	28	28	28
2007	29	F	29	29	29	29
2008	30	M	30	30	30	30
2009	31	F	31	31	31	31
2010	32	M	32	32	32	32
2011	33	F	33	33	33	33
2012	34	M	34	34	34	34
2013	35	F	35	35	35	35
2014	36	M	36	36	36	36
2015	37	F	37	37	37	37
2016	38	M	38	38	38	38
2017	39	F	39	39	39	39
2018	40	M	40	40	40	40
2019	41	F	41	41	41	41
2020	42	M	42	42	42	42

ĐĂNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI DẤT THEO BLOC. TỶ 4

BIT	Length (ft)	Yield and volume	Depth (ft) relative to original section
1	54.96	0.1	0.275 ± 0.033

CHU

15. and (16) appear to be linearly independent. The same is true of (17) and (18).

For further information, contact the publisher at 01753 679070 or visit our website at www.crcpress.com

DOI: 10.1002/for

For a copy of this book, contact the publisher at 1015 North 10th Street, Suite 100, Minneapolis, MN 55412. Tel: 612/338-8800. Fax: 612/338-8801. E-mail: info@praxispress.com. Web: www.praxispress.com.

© 1998 by The McGraw-Hill Companies, Inc. All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, or by any information storage and retrieval system, without prior written permission from The McGraw-Hill Companies, Inc.

For a full list of references, see the end of the book.

 $10^{-13} \text{ to } 10^{-14} \text{ m}^2$
 $10^{-13} \text{ to } 10^{-14} \text{ m}^2$

Do you also recall a young, friendly, and very kind young man, George, who, by a fluke of fate,

[illegible]

ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM

GLW/160C

[illegible]

1000

18

Weeks (0-100)

Circumstance	Percentage of Respondents (%)
1. Self-defense	85
2. Defense of others	75
3. Defense of property	65
4. Defense of a vehicle	55
5. Defense of a business	45
6. Defense of a public place	35
7. Defense of a person's freedom	25
8. Defense of a person's dignity	15
9. Defense of a person's honor	10
10. Defense of a person's reputation	5

1000